

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2011

THÔNG TƯ

Hướng dẫn hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 của Chính phủ”

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Thực hiện Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo chức năng và nhiệm vụ được giao, hướng dẫn hồ sơ, trình tự, thủ tục xem xét, cấp “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 của Chính phủ” như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về:

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 của Chính phủ”.

2. Mẫu và cách ghi “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 của Chính phủ”.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

2. Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan trong quá trình xem xét, cấp “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 của Chính phủ”.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư bao gồm những ngành, nghề quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi là Nghị định số 61/2010/NĐ-CP) và được quy định chi tiết tại Danh mục hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ, vừa là doanh nghiệp có quy mô tổng nguồn vốn (tổng nguồn vốn tương đương tổng tài sản được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp) hoặc số lao động bình quân năm (tổng nguồn vốn là tiêu chí ưu tiên) được quy định tại Điều 3, Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư là dự án đầu tư vào ngành, nghề quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP và được thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Phụ lục B ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (sau đây gọi là Nghị định số 108/2006/NĐ-CP).

4. Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư là dự án đầu tư vào ngành, nghề quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP và được thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn quy định tại Phụ lục B ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP.

5. Dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư là dự án đầu tư vào ngành, nghề quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP và được thực hiện tại xã, bản. Dự án không được coi là dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư nếu toàn bộ dự án hoặc một/một số phần hợp thành của dự án đó thực hiện tại địa bàn phường.

Điều 4. Nguyên tắc cấp xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) nơi thực hiện dự án đầu tư xem xét, cấp “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP” cho Nhà đầu tư đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 4, Nghị định số 61/2010/NĐ-CP.

2. “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP” là căn cứ để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 61/2010/NĐ-CP.

3. Mẫu “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP” được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương II

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT CẤP “GIẤY XÁC NHẬN ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ BỔ SUNG CHO DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 61/2010/NĐ-CP”

Điều 5. Hồ sơ đề nghị cấp “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP”

Nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại Điều 4, Nghị định số 61/2010/NĐ-CP nộp 09 bộ hồ sơ trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc cho Sở Kế hoạch và Đầu tư nơi thực hiện dự án đầu tư để được cấp “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP”. Hồ sơ gồm:

1. Đơn đề nghị cấp “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP” theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

2. Dự án đầu tư: Ngoài nội dung cơ bản của dự án theo quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP, bổ sung thêm thuyết minh, làm rõ căn cứ tính toán và đề xuất các khoản ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP.

Đối với dự án đầu tư của doanh nghiệp Nhà nước phải kèm theo bản sao có chứng thực Quyết định đầu tư của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện dự án từ khi bắt đầu hoạt động đến thời điểm đề nghị cấp “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP” (đối với trường hợp dự án đầu tư đã được triển khai).

4. Trường hợp Nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án có thay đổi về điều kiện áp dụng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư quy định tại Điều 4, Nghị định số 61/2010/NĐ-CP, Nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục để được cấp đổi “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP”. Hồ sơ gồm:

a. Đơn đề nghị cấp đổi “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP” theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b. Dự án đầu tư điều chỉnh: Ngoài nội dung cơ bản của dự án theo quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP, bổ sung thêm thuyết minh, làm rõ căn cứ tính toán và đề xuất các khoản ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP cho dự án điều chỉnh;

Đối với dự án đầu tư của doanh nghiệp Nhà nước phải kèm theo bản sao có chứng thực Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

c. Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh.

d. Bản gốc “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP”.

5. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các thông tin ghi trong Hồ sơ đề nghị cấp “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP”.

Điều 6. Trình tự, thủ tục xem xét cấp “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP”

1. Sau khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện nơi nhà đầu tư có dự án đầu tư (đối với dự án nằm ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công

nghệ cao, khu kinh tế) hoặc Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (đối với dự án nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế), các Sở, ngành liên quan đến các khoản ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của dự án.

2. Các cơ quan liên quan nêu tại Điểm 1 của Điều này theo chức năng, nhiệm vụ của mình tổ chức nghiên cứu, thẩm tra các điều kiện hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung của nhà đầu tư đối với các nội dung sau:

a. Quy mô của doanh nghiệp: vừa/nhỏ/siêu nhỏ;

b. Dự án đầu tư thuộc loại: đặc biệt ưu đãi đầu tư/ưu đãi đầu tư/khuyến khích đầu tư;

c. Dự án đầu tư được hưởng các loại ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cụ thể theo quy định tại Nghị định số 61/2010/NĐ-CP;

3. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan liên quan có ý kiến thẩm tra bằng văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và chịu trách nhiệm về những vấn đề thuộc chức năng quản lý của mình.

4. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ ý kiến của các cơ quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến thẩm tra, lập báo cáo thẩm tra và kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP” cho nhà đầu tư có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thuộc diện hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung theo quy định tại Nghị định số 61/2010/NĐ-CP.

Trường hợp cần thiết, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức họp thẩm tra trước khi lập báo cáo thẩm tra trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP” trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm tra của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

6. Trường hợp từ chối cấp “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP” cho một phần hoặc toàn bộ các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo đề nghị của Nhà đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho Nhà đầu tư biết.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ 6 tháng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo tình hình thực hiện Nghị định số 61/2010/NĐ-CP của Chính phủ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để theo dõi.

2. Định kỳ 6 tháng, Nhà đầu tư thực hiện việc lập báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện đầu tư dự án theo quy định của Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư, Thông tư số 13/2010/TT-BKH ngày 2/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2011.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức phản ánh về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời có hướng dẫn hoặc bổ sung, sửa đổi. /.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- VP BCD TW về phòng chống tham nhũng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh thành phố trực thuộc TW;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Công báo;
- Website Chính phủ; Website Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu VT, Vp KTNN. *0225*

BỘ TRƯỞNG



(Handwritten signature)
Võ Hồng Phúc

**PHỤ LỤC I - Mẫu đơn đề nghị cấp “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư
bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị
định số 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 của Chính phủ”**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06./2011/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 4 năm 2011
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**CẤP/CẤP ĐỔI “GIẤY XÁC NHẬN ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ
BỔ SUNG CHO DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP
NÔNG THÔN THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 61/2010/NĐ-CP NGÀY 4/6/2010
CỦA CHÍNH PHỦ”**

Kính gửi:

Nhà đầu tư: *(tên doanh nghiệp)*.....;

Loại hình doanh nghiệp:

Quy mô doanh nghiệp:*(siêu nhỏ, nhỏ vừa)*

Trụ sở chính:.....;

Điện thoại:.....Fax.....;

Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số.....do.....cấp ngày.....tháng.....năm.....

I. Đăng ký thực hiện dự án với nội dung sau:

- Tên Dự án:.....;

- Lĩnh vực đầu tư:.....;

- Địa điểm thực hiện Dự án:.....;

- Mục tiêu của Dự án:.....;

- Tổng vốn đầu tư của Dự án:.....;

- Diện tích đất dự kiến sử dụng:.....;

- Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm:.....;

- Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến:.....;
- Thời hạn hoạt động của Dự án:.....;

II. Kiến nghị ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 của Chính phủ:

a. Các khoản ưu đãi đầu tư đề nghị:

- Miễn, giảm tiền sử dụng đất:.....;
- Miễn giảm tiền thuê đất thuê mặt nước của Nhà nước:.....;
- Miễn giảm tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất:.....;

b. Các khoản hỗ trợ đầu tư đề nghị:

- Hỗ trợ tiền thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân:.....;
- Hỗ trợ kinh phí đào tạo:.....;
- Hỗ trợ kinh phí phát triển thị trường (quảng cáo, hội chợ, triển lãm):.....;
- Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động tư vấn:
- Hỗ trợ khoa học công nghệ:.....;
- Hỗ trợ cước phí vận tải:.....;

III. Nhà đầu tư cam kết:

- Về tính chính xác của những thông tin trên đây;
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam;

....., ngày ... tháng năm

Nhà đầu tư

(ký tên – đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:

-
-

Ghi chú:

Đối với dự án đã triển khai thực hiện trước thời điểm Nghị định 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 của Chính phủ có hiệu lực, phần kiến nghị ưu đãi, hỗ trợ đầu tư nêu tại Mục II là cho thời hạn hoạt động còn lại của Dự án.

PHỤ LỤC II - MẪU “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 của Chính phủ”

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06./2011/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ BỔ SUNG CHO DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 61/2010/NĐ-CP NGÀY 4/6/2010 CỦA CHÍNH PHỦ
(Số:..... ngày.....tháng.....năm.....)**

Căn cứ Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Đơn đề nghị cấp “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 của Chính phủ” của Nhà đầu tư (tên doanh nghiệp);

Căn cứ Báo cáo thẩm tra của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số..., ngày..... tháng năm

**(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...)
XÁC NHẬN:**

Nhà đầu tư: (tên doanh nghiệp).....

Là doanh nghiệp:.....(siêu nhỏ/nhỏ/vừa)

Trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax.....

Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số.....do.....cấp ngày.....tháng.....năm.....

Điều 1. Có dự án đầu tư:

- Tên Dự án:.....

Là Dự án nông nghiệp:(đặc biệt ưu đãi đầu tư/ưu đãi đầu tư/khuyến khích đầu tư)

- Lĩnh vực đầu tư:.....
- Địa điểm thực hiện:.....
- Mục tiêu của Dự án:.....
- Tổng số vốn đầu tư của Dự án:.....
- Diện tích đất dự kiến sử dụng:.....
- Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm:.....
- Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến:.....
- Thời hạn hoạt động của Dự án:

Điều 2. Được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo Nghị định 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 của Chính phủ về chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn như sau:

1. Các khoản ưu đãi đầu tư: *(Chỉ ghi ưu đãi Nhà đầu tư được hưởng)*

- Miễn, giảm tiền sử dụng đất
- Miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước
- Miễn giảm tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất:

2. Các khoản hỗ trợ đầu tư: *(Chỉ ghi các hỗ trợ Nhà đầu tư được hưởng)*

Hỗ trợ tiền thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình

Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực (dưới 6 tháng/năm)

Hỗ trợ phát triển thị trường:

- Quảng cáo trên phương tiện thông tin đại chúng
- Triển lãm, hội chợ trong nước
- Kinh phí tiếp cận thông tin thị trường, giá cả hàng hóa dịch vụ từ cơ quan xúc tiến thương mại của nhà nước: *(ghi rõ được giảm 50% hay miễn phí)*

Hỗ trợ dịch vụ tư vấn:

- Đầu tư
- Quản lý
- Nghiên cứu thị trường
- Luật pháp
- Sở hữu trí tuệ
- Nghiên cứu khoa học,
- Chuyển giao công nghệ
- Tư vấn áp dụng

Hỗ trợ khoa học công nghệ:

- Thực hiện đề tài nghiên cứu tạo ra công nghệ mới
- Đầu tư mới để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm

Hỗ trợ cước phí vận tải

Điều 3. “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 của Chính phủ” được lập thành 02 (hai) bản gốc: 01 bản cấp cho Nhà đầu tư và 01 bản lưu tại cơ quan cấp.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(ký tên, đóng dấu)